

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 19-8-2024.

“V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sầm Văn Chiến;

2. Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ thôn P, xã H, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Ngọc Văn Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ thôn P, xã H, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Lò Thị T trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Ngọc Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạnh Sơn, thị xã Nghĩa Lộ, vào ngày 10 tháng 02 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn P, xã H, thị xã N; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không có con chung nên không có tiếng nói chung; do không thể tiếp tục cùng chung sống nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Sơn T, huyện V sinh sống và hai người đã sống ly thân từ đó cho

đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng chung sống với anh Đ được nữa, nên chị đề nghị được ly hôn với anh Ngọc Văn Đ.

+ Con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập họp lệ đối với anh Ngọc Văn Đ nhiều lần, nhưng anh Đ từ chối nhận các văn bản hoặc nhận nhưng không ký biên bản giao nhận; anh Đ cố ý không có mặt để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- Biên bản xác minh ngày 10/7/2024 tại thôn Phai Lò, xã Hạnh Sơn: Chị Lò Thị T và anh Ngọc Văn Đ đều đăng ký hộ khẩu tại thôn P, xã H, thị xã N; chị T và anh Đ kết hôn với nhau vào tháng 02/2020; sau khi kết hôn hai người về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở thôn P, xã H. Quá trình chung sống giữa chị T và anh Đ chính quyền địa phương nghe nói là phát sinh mâu thuẫn, nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã S, huyện V; chị T và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến, chính quyền thôn có chuyển đến cho anh Đ, tuy nhiên anh Đ từ chối nhận; có văn bản nhận nhưng không ký vào biên bản giao nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ phát biểu quan điểm:

Tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Ngọc Văn Đ.

- Con chung: Không có

- Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tố tụng: Chị Lò Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Ngọc Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạnh Sơn, thị xã Nghĩa Lộ, vào ngày 10 tháng 02 năm 2020 và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp.

Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai người không có con chung. Mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ ngày càng trầm trọng, nên đến đầu năm 2024 chị T về nhà bố mẹ đẻ để ở và hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã thật sự trầm trọng; đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Ngọc Văn Đ.

[3] Con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Ngọc Văn Đ.

2. Án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0000890 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Hạnh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Xuân